

**BẢNG GIÁ THUỐC KHOA DƯỢC
THÁNG 7/2026**

TT	TÊN THUỐC	HOẠT CHẤT	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ)
1	Magnesi sulfat Kabi 15%	Magnesi sulfat	Ống	2,900
2	Lactated Ringer's	Ringer lactat	Chai	6,500
3	Ringer's Lactate	Ringer lactat	Túi	20,000
4	Dexamethasone	Dexamethason	Ống	670
5	Kapredin	Methyl prednisolon	Viên	482
6	Mebikol	Methyl prednisolon	Viên	639
7	VitPP	Vitamin PP	Viên	140
8	Bogotop	Bilastine	Viên	9,000
9	Dareq	Desloratadin	Viên	5,160
10	Bivixifen 60	Fexofenadin	Viên	208
11	Imefed 500mg/125mg	Amoxicilin + acid clavulanic	Gói	9,400
12	Imefed DT 875mg/125mg	Amoxicilin + acid clavulanic	Viên	12,000
13	Osvimec 300	Cefdinir	Viên	10,650
14	Effixent	Cefixim	Viên	23,200
15	Imedoxim 200	Cefpodoxim	Viên	9,800
16	Negacef 500	Cefuroxim	Viên	5,230
17	Cetraxal	Ciprofloxacin	Ống	8,600
18	Ciprofloxacin	Ciprofloxacin	Viên	709
19	Ciprofloxacin Polpharma	Ciprofloxacin	Túi	36,435
20	Cravit 1.5%	Levofloxacin	Lọ	115,999
21	Metronidazole 0,5g/100ml	Metronidazol	Túi	5,500
22	Metronidazole/Vioser	Metronidazol	Chai	17,000

TT	TÊN THUỐC	HOẠT CHẤT	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ)
23	Infecin 3 M.I.U	Spiramycin	Viên	7,000
24	Vacodومتium 10	Domperidon	Viên	52
25	Ventinos	Budesonid	Chai	65,000
26	Bromhexin	Bromhexin hydrochlorid	Viên	31
27	Acecyst	N-acetylcystein	Viên	155
28	Acetylcysteine 200mg	N-acetylcystein	Gói	399
29	Elaria	Diclofenac	Ống	9,900
30	Acular	Ketorolac	Lọ	67,245
31	Paracetamol 10mg/ml	Paracetamol	Túi	8,190
32	Panactol 325mg	Paracetamol (acetaminophen)	Viên	62
33	Paracetamol 500 mg	Paracetamol (acetaminophen)	Viên	150
34	Lidocaine Aguettant 20 mg/mL (preservative free)	Lidocain	Ống	38,800
35	Alcaine 0,5%	Proparacain	Lọ	39,380
36	Fresofol 1% MCT/LCT	Propofol	ml	1,510
37	Vacoometz 40	Omeprazol	Viên	252
38	Betahistin	Betahistin	Viên	163
39	Meseca Advanced	Fluticason furoat	Lọ	108,000
40	Lumigan	Bimatoprost	Lọ	252,079
41	BRIMOGAN	Brimonidin tartrat	Lọ	114,450
42	Combigan	Brimonidin tartrat + timolol	Lọ	183,515
43	Azopt	Brinzolamid	Lọ	116,700
44	Azarga	Brinzolamid + timolol	Lọ	310,800
45	Indocollyre	Indomethacin	Lọ	68,000
46	Diquas	Natri diquafosol	Lọ	129,675
47	Nevanac	Nepafenac	Lọ	152,999
48	Nicardipine Aguettant 10mg/10ml	Nicardipin	Ống	125,000

TT	TÊN THUỐC	HOẠT CHẤT	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ)
49	Benzina 10	Flunarizin	Viên	2,400
50	MIRENZINE 5	Flunarizin	Viên	1,250
51	Tobradex	Tobramycin + Dexamethasone	Tuýp	52,300
52	Lignospan Standard	Lidocain hydroclorid + Epinephrin (Adrenalin) tartrat	Ống	15,484
53	Lucentis	Ranibizumab	Lọ	13,125,022
54	Ceftazidime 1000	Ceftazidim	Lọ	14,763
55	Crutit	Clarithromycin	Viên	8,300
56	Raxadin	Imipenem (dưới dạng Imipenem monohydrat) + Cilastatin (dưới	Lọ	61,150
57	Medoxasol 500mg	Levofloxacin (dưới dạng Levofloxacin hemihydrat)	Viên	7,266
58	Meloxicam-Teva 7.5mg	Meloxicam	Viên	788
59	Curam 1000mg	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat 1005mg) 875mg; Acid	Viên	5,946
60	Cepmox-Clav 875 mg/125 mg	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat compacted); Acid	Viên	5,250
61	Tenamyd-Cefotaxime 1000	Cefotaxim (dưới dạng Cefotaxim natri)	Lọ	11,361
62	Tenamyd-Ceftazidime 1000	Ceftazidim (dưới dạng Ceftazidim pentahydrat)	Lọ	19,488
63	Clarithromycin Stella 500 mg	Clarithromycin	Viên	3,741
64	Ozanier 500mg	Levofloxacin (dưới dạng Levofloxacin hemihydrat 512mg)	Viên	1,000
65	Merovia	Meropenem	Lọ	57,750
66	Mikrobiel 400mg/250ml	Moxifloxacin (dưới dạng Moxifloxacin Hydrochlorid)	Chai	147,000
67	Haxium 40	Esomeprazol (dưới dạng Esomeprazol pellets 22,5% (vi hạt	Viên	840
68	Negacef 250	Cefuroxim	Viên	2,990
69	Coxnis	Meloxicam	Viên	176
70	Cerahead	Piracetam	Viên	669
71	MESECA	Fluticason propionat	Lọ	96,000
72	Nước cất ống nhựa	Nước cất pha tiêm	Ống	350
73	ACID AMIN 5%	Acid amin*	Chai	53,000
74	Glucose 30%	Glucose	Chai	10,878
75	Glucose 5%	Glucose	Chai	7,035

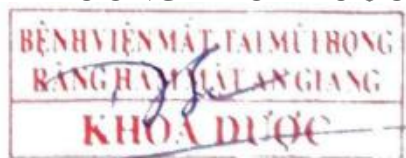
TT	TÊN THUỐC	HOẠT CHẤT	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ)
76	Natri clorid 0,9%	Natri clorid	Chai	1,320
77	Sodium Chloride	Natri clorid	Chai	19,500
78	Kali Clorid	Kali clorid	Viên	700
79	Daleston-D	Betamethasone + dexchlorpheniramin	Chai	31,500
80	Dexamethasone	Dexamethason	Ống	714
81	Vinphason	Hydrocortison	Lọ	5,900
82	Creao Inj.	Methyl prednisolon	Lọ	29,988
83	Midazolam B. Braun 5mg/ml	Midazolam	Ống	18,900
84	AGI-CALCI	Calci carbonat + vitamin D3	Viên	1,422
85	AGIRENYL	Vitamin A	Viên	225
86	Clorpheniramin	Chlorpheniramin (hydrogen maleat)	Viên	41
87	Aerius	Desloratadin	Chai	78,900
88	BASTINFAST 20	Ebastin	Viên	3,050
89	Adrenalin	Epinephrin (adrenalin)	Ống	1,285
90	Danapha-Telfadin 180	Fexofenadin	Viên	4,150
91	Fegra 120mg	Fexofenadin	Viên	3,500
92	Telfor 60	Fexofenadin	Viên	744
93	Ketotifen Helcor 1mg	Ketotifen	Viên	5,400
94	Clanoz	Loratadin	Viên	284
95	PIPOLPHEN	Promethazin hydroclorid	Ống	15,000
96	Klamentein 500/62.5	Amoxicilin + acid clavulanic	Gói	3,426
97	Cefaclor Stada 500mg capsules	Cefaclor	Viên	8,100
98	Ceplorvpc 500	Cefaclor	Viên	8,100
99	METINY	Cefaclor	Viên	9,900
100	Cefixime 200mg	Cefixim	Viên	5,920
101	Ceraapix	Cefoperazon	Lọ	46,000
102	Cefuroxime 125mg	Cefuroxim	Gói	1,617

TT	TÊN THUỐC	HOẠT CHẤT	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ)
103	AGICLARI 500	Clarithromycin	Viên	1,890
104	Letdion	Levofloxacin	Lọ	84,000
105	Metronidazol	Metronidazol	Viên	132
106	MEPOLY	Neomycin + polymyxin B + dexamethason	Lọ	37,000
107	Ofloxacin-POS 3mg/ml	Ofloxacin	Lọ	52,900
108	ROVAGI 1,5	Spiramycin	Viên	1,365
109	ROVAGI 3	Spiramycin	Viên	3,100
110	Daphazyl	Spiramycin + metronidazol	Viên	1,495
111	Domreme	Domperidon	Viên	1,000
112	Medskin Clovir 800	Aciclovir	Viên	3,200
113	Glyceryl Trinitrate - Hameln 1mg/ml	Glyceryl trinitrat (Nitroglycerin)	Ống	80,283
114	Naloxone-hameln 0.4mg/ml Injection	Naloxon hydroclorid	Ống	43,995
115	ETODAGIM	Etodolac	Viên	1,050
116	Loxoprofen 60mg	Loxoprofen	Viên	437
117	Paracetamol 10mg/ml	Paracetamol (acetaminophen)	Chai, túi	9,400
118	Lidocain hydroclorid 40mg/2ml	Lidocain hydroclodrid	Ống	378
119	LIDOCAIN	Lidocain hydroclodrid;	Lọ	159,000
120	Alcaine 0.5%	Proparacain hydroclorid	Lọ	39,380
121	Seaoflura	Sevofluran	ml	6,153
122	Suopinchon Injection	Furosemid	Ống	4,200
123	Cồn Boric 3%	Cồn boric	Chai	6,300
124	Otipax	Phenazon + lidocain hydroclorid	Lọ	54,000
125	Haemostop 250mg/5ml	Tranexamic acid	Ống	6,445
126	Zentanil 500mg/5ml	Acetyl leucin	Lọ	12,000
127	POVIDONE	Povidon iodin	Chai	7,750
128	ALCOOL 70°	ALCOOL 70°	Chai	30,975

TT	TÊN THUỐC	HOẠT CHẤT	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ)
129	ACETAZOLAMID	Acetazolamid	Viên	974
130	Restasis	Cyclosporin	Ống	17,906
131	Refresh Tears	Natri carboxymethylcellulose (natri CMC)	Lọ	64,101
132	Natri Clorid 0,9%	Natri clorid	Lọ	1,320
133	Sanlein 0.3	Natri hyaluronat	Lọ	126,000
134	Pataday	Olopatadin hydroclorid	Chai	131,099
135	Systane Ultra	Polyethylen glycol + propylen glycol	Lọ	60,100
136	TETRACAIN 0,5%	Tetracain	Chai	15,015
137	Mydrin-P	Tropicamide + phenylephrine hydroclorid	Lọ	67,500
138	Digoxin/Anfarm	Digoxin	Ống	24,500
139	Dobutamine-hameln 12,5mg/ml Injection	Dobutamin	Ống	79,800
140	Kavasdin 5	Amlodipin	Viên	98
141	Nifedipin T20 retard	Nifedipin	Viên	540
142	Thuốc tiêm Fentanyl citrate	Fentanyl	Ống	11,290
143	Naphazolin 0,05% Danapha	Naphazolin	Lọ	2,625

An Giang, ngày 07 tháng 7 năm 2026

TRƯỞNG KHOA DƯỢC



ĐSCKI. Phan Thanh Bình